

DANH SÁCH THÍ SINH ĐẠT KẾT QUẢ KIỂM TRA VÀ ĐƯỢC CẤP CHỨNG CHỈ TIẾNG ANH TRÌNH ĐỘ B*(Ban hành kèm theo QĐ số 459/QĐ-ĐHNLBG-ĐT ngày 03 tháng 6 năm 2019 của**Hiệu trưởng trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang)****Thi ngày 25/5/2019; Cấp ngày 03/6/2019***

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm				Điểm TBC	Số vào sổ	Số hiệu	Kết quả xếp loại
						Đọc	Viết	Nghe	Nói				
1	TAB01	Nguyễn Hồng	Anh	06/10/1983	TP. Bắc Giang - Bắc Gian	7,5	6,0	7,5	4,0	6,3	TA001479	A3095083	Trung bình
2	TAB02	Đinh Bạt	Ánh	22/02/1996	Hung Nguyên - Nghệ An	8,0	5,5	6,5	3,0	5,8	TA001480	A3095082	Trung bình
3	TAB03	Lê Văn	Đan	01/5/1985	Yên Dũng - Bắc Giang	8,0	5,5	6,5	3,0	5,8	TA001481	A3095081	Trung bình
4	TAB04	Hà Văn	Điều	22/10/1982	Yên Thế - Bắc Giang	8,0	7,0	5,0	3,0	5,8	TA001482	A3095080	Trung bình
5	TAB05	Dương Thị	Hà	28/8/1981	Yên Thế - Bắc Giang	7,5	6,5	6,0	3,0	5,8	TA001483	A3095079	Trung bình
6	TAB06	Nguyễn Thị	Hà	04/4/1983	Việt Yên - Bắc Giang	8,0	4,5	8,0	3,0	5,9	TA001484	A3095078	Trung bình
7	TAB07	Nguyễn Thị Việt	Hà	23/02/1977	TP. Thái Nguyên - Thái N	7,5	5,5	6,5	4,0	5,9	TA001485	A3095077	Trung bình
8	TAB08	Phạm Thu	Hà	19/8/1975	Tân Yên - Bắc Giang	7,5	5,0	6,5	6,0	6,3	TA001486	A3095076	Trung bình
9	TAB09	Hà Đức	Hào	10/11/1980	Việt Yên - Bắc Giang	7,5	5,5	6,5	6,0	6,4	TA001487	A3095075	Trung bình
10	TAB10	Hoàng Thị Thu	Hằng	17/4/1979	Cẩm Khê - Phú Thọ	8,0	5,5	6,0	4,0	5,9	TA001488	A3095074	Trung bình
11	TAB11	Nguyễn Thị	Hằng	28/10/1984	Việt Yên - Bắc Giang	7,5	5,5	6,0	3,0	5,5	TA001489	A3095073	Trung bình
12	TAB12	Lương Thị	Hiển	15/8/1984	Yên Dũng - Bắc Giang	7,5	7,0	6,0	5,0	6,4	TA001490	A3095072	Trung bình
13	TAB13	Phan Ngọc	Hiếu	19/10/1997	Chương Mỹ - Hà Nội	7,0	6,5	7,5	6,0	6,8	TA001491	A3095071	Trung bình
14	TAB14	Hoàng Văn	Hiệu	03/8/1993	Việt Yên - Bắc Giang	7,5	6,5	7,0	7,0	7,0	TA001492	A3095070	Khá
15	TAB15	Đồng Thu	Hoàn	30/7/1980	Hiệp Hòa - Bắc Giang	8,0	4,5	6,0	3,0	5,4	TA001493	A3095069	Trung bình
16	TAB16	Lê Đức	Huy	20/10/1983	Yên Thế - Bắc Giang	8,5	4,5	8,0	3,0	6,0	TA001494	A3095068	Trung bình
17	TAB18	Đàm Thị	Hương	16/10/1977	Khoái Châu - Hưng Yên	7,5	5,5	6,5	6,0	6,4	TA001495	A3095067	Trung bình

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm				Điểm TBC	Số vào sổ	Số hiệu	Kết quả xếp loại
						Đọc	Viết	Nghe	Nói				
18	TAB19	Đỗ Thị	Hương	31/7/1983	Thịệu Yên - Thanh Hoá	7,0	7,0	6,5	8,0	7,3	TA001496	A3095066	Khá
19	TAB20	Nguyễn Thị	Hương	14/9/1983	Yên Dũng - Bắc Giang	7,0	6,0	5,0	4,0	5,5	TA001497	A3095065	Trung bình
20	TAB21	Nguyễn Thị	Hương	18/10/1986	Yên Dũng - Bắc Giang	7,0	6,0	6,0	5,0	6,0	TA001498	A3095064	Trung bình
21	TAB22	Nguyễn Thị	Hương	20/10/1989	Yên Dũng - Bắc Giang	7,0	6,5	6,0	3,0	5,6	TA001499	A3095063	Trung bình
22	TAB23	Dương Thị	Hưởng	22/8/1978	Tân Yên - Bắc Giang	7,5	6,5	7,5	6,0	6,9	TA001500	A3095062	Trung bình
23	TAB24	Triệu Tồn	Khoa	15/5/1994	Văn Yên - Yên Bái	7,5	5,0	7,5	7,0	6,8	TA001501	A3095061	Trung bình
24	TAB25	Nguyễn Thị Hồng	Lan	22/9/1986	Tân Yên - Bắc Giang	7,0	6,5	6,5	6,0	6,5	TA001502	A3095060	Trung bình
25	TAB26	Phạm Thị Ngọc	Lan	08/9/1995	Gia Viễn - Ninh Bình	8,5	5,0	4,5	5,0	5,8	TA001503	A3095059	Trung bình
26	TAB27	Tạ Thị Thúy	Lan	18/11/1977	Việt Yên - Bắc Giang	7,5	5,0	6,0	3,0	5,4	TA001504	A3095058	Trung bình
27	TAB28	Ngô Thị	Liên	23/7/1984	Việt Yên - Bắc Giang	8,0	7,5	6,5	7,0	7,3	TA001505	A3095057	Khá
28	TAB29	Phùng Thị	Liên	08/5/1990	Yên Thế - Bắc Giang	7,5	6,5	6,5	3,0	5,9	TA001506	A3095056	Trung bình
29	TAB30	Nguyễn Thùy	Linh	09/02/1991	Việt Yên - Bắc Giang	8,0	6,5	6,5	6,0	6,8	TA001507	A3095055	Trung bình
30	TAB31	Dương Mai	Loan	18/10/1976	Đồng Hỷ - Thái Nguyên	7,5	6,0	5,5	6,0	6,3	TA001508	A3095054	Trung bình
31	TAB32	Đỗ Thị	Loan	06/6/1982	Yên Thế - Bắc Giang	7,5	4,0	6,0	3,0	5,1	TA001509	A3095053	Trung bình
32	TAB33	Nguyễn Quốc	Long	01/9/1978	Lục Nam - Bắc Giang	8,0	5,0	6,0	4,0	5,8	TA001510	A3095052	Trung bình
33	TAB34	Nguyễn Thành	Long	10/3/1983	Yên Dũng - Bắc Giang	7,0	5,5	5,5	3,0	5,3	TA001511	A3095051	Trung bình
34	TAB35	Ngô Văn	Lợi	21/7/1987	Lạng Giang - Bắc Giang	8,0	5,5	5,5	6,0	6,3	TA001512	A3095050	Trung bình
35	TAB36	Nguyễn Thị	Lưu	04/7/1983	Dĩnh Kế - Bắc Giang	7,0	6,0	5,5	5,0	5,9	TA001513	A3095049	Trung bình
36	TAB37	Nguyễn Thị	Mến	09/11/1991	Yên Dũng - Bắc Giang	6,5	6,5	6,0	6,0	6,3	TA001514	A3095048	Trung bình
37	TAB38	Lâm Văn	Mỗi	04/4/1969	Lục Ngạn - Bắc Giang	8,0	4,0	5,5	3,0	5,1	TA001515	A3095047	Trung bình
38	TAB39	Dương Thị Quỳnh	Nga	13/5/1987	Yên Thế - Bắc Giang	8,0	5,0	7,0	4,0	6,0	TA001516	A3095046	Trung bình
39	TAB40	Hoàng Thị Thanh	Nga	15/4/1984	Yên Thế - Bắc Giang	6,5	4,5	5,5	5,0	5,4	TA001517	A3095045	Trung bình

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm				Điểm TBC	Số vào sổ	Số hiệu	Kết quả xếp loại
						Đọc	Viết	Nghe	Nói				
40	TAB42	Nguyễn Bá	Ngọc	14/01/1995	Quỳnh Lưu - Nghệ An	8,0	5,0	5,0	6,0	6,0	TA001518	A3095044	Trung bình
41	TAB43	Đào Thị	Oanh	03/11/1984	Yên Thế - Bắc Giang	7,5	6,0	6,0	3,0	5,6	TA001519	A3095043	Trung bình
42	TAB44	Hà Văn	Oánh	15/4/1979	Lạng Giang - Bắc Giang	7,0	6,0	6,0	8,0	6,8	TA001520	A3095042	Trung bình
43	TAB45	Hoàng Thị	Phượng	17/8/1983	Việt Yên - Bắc Giang	8,0	5,0	3,5	4,0	5,1	TA001521	A3095041	Trung bình
44	TAB46	Nguyễn Thị	Quyên	20/3/1982	Yên Dũng - Bắc Giang	7,5	5,0	6,0	4,0	5,6	TA001522	A3095040	Trung bình
45	TAB46A	Phạm Thị	Liên	25/12/1974	Yên Thế - Bắc Giang	8,0	6,0	4,0	7,0	6,3	TA001523	A3095039	Trung bình
46	TAB46B	Nguyễn Thị	Lợi	02/4/1989	Việt Yên - Bắc Giang	8,0	5,0	6,0	4,0	5,8	TA001524	A3095038	Trung bình
47	TAB47	Nguyễn Mậu	Sơn	30/4/1979	Việt Yên - Bắc Giang	7,0	6,0	4,5	5,0	5,6	TA001525	A3095037	Trung bình
48	TAB48	Trần Thế	Tài	13/01/1987	Yên Thế - Bắc Giang	7,5	7,0	6,0	6,0	6,6	TA001526	A3095036	Trung bình
49	TAB49	Chu Thị Tuyết	Thanh	28/8/1981	Việt Yên - Bắc Giang	6,5	7,5	6,5	7,5	7,0	TA001527	A3095035	Khá
50	TAB50	Hoàng Văn	Thanh	22/6/1969	Lục Ngạn - Bắc Giang	7,0	4,0	6,0	3,0	5,0	TA001528	A3095034	Trung bình
51	TAB51	Lê Thị	Thắm	12/9/1992	Việt Yên - Bắc Giang	7,0	7,0	6,0	5,0	6,3	TA001529	A3095033	Trung bình
52	TAB52	Đặng Thị Kim	Thoa	28/01/1993	Việt Yên - Bắc Giang	7,0	6,5	5,0	7,0	6,4	TA001530	A3095032	Trung bình
53	TAB53	Dương Văn	Thu	10/4/1974	Yên Dũng - Bắc Giang	6,0	3,5	6,0	5,0	5,1	TA001531	A3095031	Trung bình
54	TAB54	Nguyễn Thị	Thu	11/8/1985	Yên Dũng - Bắc Giang	6,5	7,0	6,0	5,0	6,1	TA001532	A3095030	Trung bình
55	TAB55	Nguyễn Thị	Thu	19/10/1970	Yên Dũng - Bắc Giang	6,5	6,0	7,0	5,0	6,1	TA001533	A3095029	Trung bình
56	TAB56	Dương Văn	Thuấn	06/4/1976	Yên Dũng - Bắc Giang	7,5	6,0	6,5	4,0	6,0	TA001534	A3095028	Trung bình
57	TAB57	Nguyễn Thị	Thúy	14/02/1983	Cẩm Khê - Phú Thọ	7,5	6,0	5,5	4,0	5,8	TA001535	A3095027	Trung bình
58	TAB60	Thân Văn	Thuyết	26/8/1982	Yên Dũng - Bắc Giang	7,5	6,0	6,0	5,0	6,1	TA001536	A3095026	Trung bình
59	TAB61	Nguyễn Thị	Trang	09/6/1990	Hiệp Hòa - Bắc Giang	6,5	7,5	7,0	6,0	6,8	TA001537	A3095025	Trung bình
60	TAB62	Thân Ngọc	Trung	22/12/1966	Yên Dũng - Bắc Giang	6,5	4,0	6,5	5,0	5,5	TA001538	A3095024	Trung bình
61	TAB64	Đinh Thành	Tuân	17/5/1995	Việt Yên - Bắc Giang	8,0	8,5	7,5	8,0	8,0	TA001539	A3095023	Giỏi

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm				Điểm TBC	Số vào sổ	Số hiệu	Kết quả xếp loại
					Đọc	Viết	Nghe	Nói				
62	TAB66	Nguyễn Thị Tư	16/6/1973	Yên Dũng - Bắc Giang	6,5	4,5	8,0	4,0	5,8	TA001540	A3095022	Trung bình
63	TAB67	Nguyễn Thị Xuyên	05/3/1986	Việt Yên - Bắc Giang	7,5	6,0	6,5	4,0	6,0	TA001541	A3095021	Trung bình
64	TAB68	Nguyễn Thị Hải Yên	25/3/1977	Lục Nam - Bắc Giang	8,0	7,5	8,0	7,0	7,6	TA001542	A3095020	Khá
65	TAB70	Thắm Đức Thiện	10/3/1987	Yên Thế - Bắc Giang	8,5	5,5	6,0	3,0	5,8	TA001543	A3095019	Trung bình

Số thí sinh được cấp chứng chỉ theo danh sách: 65./.

Bắc Giang, ngày 03 tháng 6 năm 2019

Chủ tịch Hội đồng xét kết quả kỳ kiểm tra
(*Đã ký*)

Thư ký Hội đồng xét kết quả kỳ kiểm tra
(*Đã ký*)

Chủ tịch Hội đồng kiểm tra
(*Đã ký*)

TS. Nguyễn Tuấn Điệp

ThS. Nguyễn Việt Đức

ThS. Đỗ Thị Huyền